

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HSST

Ngày: 17/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Tài**

2. Ông **Võ Quang Truyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Xuân Lai** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TPH** sinh năm: 1984, tại tỉnh TN; nơi cư trú: khu phố A, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông TPT, sinh năm 1958 và bà LTHX, sinh năm 1963; vợ LMN, sinh năm 1983, có 02 người con; tiền sự: Không có, tiền án: Bản án số: 31/2012/HSST ngày 24/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN đã áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo TPH 06 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 28/7/2012, chưa được xóa án tích đến ngày 25/4/2014 tiếp tục phạm tội; Bản án số: 74/2014/HSST ngày 16/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN đã áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo TPH 01 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/9/2015; Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/3/2018, bị tạm giam ngày 06/4/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1- Ông **NHT**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2- Bà **NTL**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp BR, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

3- Anh **PNH**, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp LĐ, xã LTB, huyện HT, tỉnh TN (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 30/3/2018, TPH một mình điều khiển xe mô tô biển số 60K4-3117 đến chùa Gò Kén thuộc ấp Long Trung, xã LTT, huyện HT, tỉnh TN. H dừng xe trước cổng chùa quan sát xung quanh thấy xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 70D1-208.99 của ông NHT, ngụ khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN để trong khuôn viên chùa không có người trông coi. H đi bộ đến gần lén lút dùng đoạn tự chế bẻ khóa xe để lấy trộm. Khi H vừa bẻ khóa xe xong thì bị ông Tâm phát hiện truy hô và cùng quần chúng nhân dân bắt quả tang cùng vật chứng giao cho Công an xử lý.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2018, H còn thực hiện 03 vụ trộm xe mô tô khác cụ thể như sau:

+ **Vụ thứ nhất:** Khoảng cuối tháng 8/2017, H đi bộ một mình đến trước tiệm Internet YoYo thuộc ấp LT, xã LTB, huyện HT, tỉnh TN, nhìn thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 70K1-051.55 của anh PNH, ngụ ấp Long Đại, xã LTB, huyện HT, tỉnh TN dựng phía trước, trên xe còn để sẵn chìa khóa (công tắc) không ai trông coi. H lén lút lấy trộm xe của anh Hậu chạy xuống quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 5.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân.

+ **Vụ thứ hai:** Khoảng tháng 3/2018, H một mình đi bộ đến khu vực cửa 3, cửa 4 chợ Long Hoa thuộc khu phố A, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TN, H phát hiện xe mô tô hiệu Fashion biển số 60K4-3117 do bà BTLT, địa chỉ 908 Xuân Hòa, thị xã Long Khánh, Đồng Nai đăng ký chủ sở hữu (hiện không tìm được người bị hại) không có người trông coi nên lén lút lấy trộm xe, rồi sử dụng làm phương tiện đi lại cho đến ngày bị bắt.

+ **Vụ thứ ba:** Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/3/2018, H một mình điều khiển xe mô tô biển số 60K4-3117 (xe trộm được trong vụ thứ hai) đến chùa Bảo Pháp thuộc ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN, H nhìn thấy xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen của bà NTL, ngụ ấp BR, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN để tại khu vực nhà để xe trong khuôn viên chùa không có người trông coi. H lén lút mở cốp xe của bà L lấy trộm 12.000.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 18K nặng 0,8 chỉ, 02 nhẫn vàng 18K mỗi chiếc 0,7 chỉ và một số giấy tờ cá nhân khác.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại.

* Tại các Kết luận định giá tài sản số 18/KLĐG-TTHS ngày 09/4/2018, số 23/KLĐG-TTHS ngày 21/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện HT, kết luận:

- Xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 70D1-208.99 trị giá 10.000.000 đồng;

- Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 70K1-051.55 trị giá 8.000.000 đồng;

- Xe mô tô hiệu Fashion biển số 60K4-3117 trị giá 2.500.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KLĐG-TTHS ngày 23/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện GD, kết luận: 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 8 phân, trị giá 1.840.000 đồng; 02 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng mỗi chiếc 7 phân, trị giá 3.220.000 đồng.

Đối với hành vi H trộm xe mô tô Fashion biển số 60K4-3117, hiện không xác định được người bị hại nên không có căn cứ để xem xét truy tố.

Bản cáo trạng số: 37/**CT-VKSND-HT** ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HT đã truy tố bị cáo TPH về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g, Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 173, Điểm b, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 2 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt: TPH mức án từ 03 năm tù đến 04 năm tù; miễn hình

phạt bổ sung cho bị cáo vì bị cáo không có tài sản, áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HT, tỉnh TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Từ tháng 8/2017 đến ngày 30/3/2018, trên địa bàn huyện HT và huyện GD, tỉnh TN, TPH đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản 03 lần đối với 03 người bị hại, tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt là 35.060.000 đồng. Bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, lẽ ra sau khi chấp hành án xong, bị cáo phải sửa chữa bản thân để trở thành công dân tốt nhưng ngược lại, vì muốn có tiền sử dụng ma túy nên bị cáo đã thực hiện liên tiếp nhiều lần trộm cắp tài sản, lấy việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính nên lần phạm tội này thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm. Viện kiểm sát nhân dân huyện HT truy tố bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN quyết định xét xử bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm b, g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Khi quyết định hình phạt có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho những người bị hại, những người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, bị cáo tự khai ra những lần phạm tội trước được quy định tại Điểm b, r, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Anh NHT đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì khác; gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh PNH, bà NTL xong. Anh PNH, bà NTL không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Tài sản của bà NTL bị mất là 12.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn, bị cáo bán 03 chiếc nhẫn là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 16.000.000 đồng, bà L chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 8.000.000 đồng nên số tiền 8.000.000 đồng là thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo nộp sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung.

[4] Về vật chứng thu giữ: 03 (ba) viên phấn sáp, hình trụ, dài 4,5cm, màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) thanh kim loại hình tam giác, dài 18cm, màu nâu, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) thanh kim loại hình lục giác, dài 18cm, màu đồng, có một đầu dẹp bẻ cong, dài 11cm, đầu dẹp bẻ cong dài 03cm, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) thanh kim loại hình lục giác, dài 7,5cm, một đầu có dấu bị mài dẹp, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L, hình trụ, màu bạc, dài 16cm, có in chữ GS Rebel 8mm, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) thanh kim loại màu trắng - bạc, dài 14cm, một đầu hình trụ dài 08cm, một đầu dẹp dài 06cm, ngang 04cm, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) ba lô màu đen, có hai dây đeo, trên ba lô có in chữ “DAI-ICHI LIFE Gắn bó dài lâu”, đã qua sử dụng. Bị cáo dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 (một) xe mô tô biển số 60K4-3117, nhãn hiệu Honda, màu nâu, số máy: 1P50FMG-310116991, số khung: F510008003693, yên xe bị rách, bửng xe bên trái bị vỡ do không xác định được người bị hại mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo TPH phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào Điểm b, g Khoản 2 Điều 173; Điểm b, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo TPH 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2018.

2. Về **trách nhiệm dân sự**:

Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho các người bị hại xong.

Buộc bị cáo H nộp số tiền thu lợi bất chính là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình Sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) viên phấn sáp, hình trụ, dài 4,5cm, màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) thanh kim loại hình tam giác, dài 18cm, màu nâu, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) thanh kim loại hình lục giác, dài 18cm, màu đồng, có một đầu dẹp bẻ cong, dài 11cm, đầu dẹp bẻ cong dài 03cm, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) thanh kim loại hình lục giác, dài 7,5cm, một đầu có dấu bị mài dẹp, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L, hình trụ, màu bạc, dài 16cm, có in chữ GS Rebel 8mm, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) thanh kim loại màu trắng - bạc, dài 14cm, một đầu hình trụ dài 08cm, một đầu dẹp dài 06cm, ngang 04cm, dùng để bẻ khóa xe; 01 (một) ba lô màu đen, có hai dây đeo, trên ba lô có in chữ “DAI-ICHI LIFE Gắn bó dài lâu”, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 60K4-3117, nhãn hiệu Honda, màu nâu, số máy:1P50FMG-310116991, số khung: F510008003693, yên xe bị rách, bửng xe bên trái bị vỡ.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN.
- VKSND tỉnh TN.
- Công an tỉnh TN
- VKSND huyện HT.
- Công an huyện HT.
- Cơ quan THA ds huyện HT
- Sở tư pháp TN
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu tập án.

